**Trưởng THCS Thái Sơn**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN 8 CUỐI HỌC KÌ 2 NĂM HỌC 2023 - 2024**

**PHẦN A : KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài** | **Phần Đọc hiểu** | **Phần Viết** | **Phần Nói** | **Phần Tiếng Việt** | **Hình thức thể hiện** |
| **6** | Văn bản truyện (Bài 6) | Phân tích một tác phẩm truyện | Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội | Từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội. | Lập bảng biểu |
| **7** | Văn bản Thơ  (Bài 7) | Phân tích một tác phẩm thơ | Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một tác phẩm thơ | Đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình và từ tượng thanh. | Vẽ sơ đồ tư duy |
| **8** | Văn bản Truyện lịch sử và Tiểu thuyết (Bài 8) | Nghị luận về một tư tưởng, đạo lý | Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một nhân vật lịch sử hoặc tác phẩm văn học. | Câu khẳng định và câu phủ định. | Trình chiếu bản PPT |
| **9** | Văn bản Nghị luận văn học | Nghị luận về một tác phẩm văn học | Thuyết trình bài giới thiệu về một vấn đề của tác phẩm văn học. | Thành phần biệt lập trong câu. | Bản thuyết minh |
| **10** | Văn bản thông tin | Viết bài giới thiệu một cuốn sách | Giới thiệu một cuốn sách | Câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu kể. | Đồ họa thông tin (Info-graphic) |

**I. ÔN TẬP PHẦN ĐỌC HIỂU**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài** | **Văn bản** | **Thể loại** | **Đề tài/Chủ đề/Nội dung tư tưởng** | **Đặc sắc nghệ thuật/Đặc điểm nổi bật về kiểu thể loại văn bản** | **Kĩ năng đọc hiểu** |
| **Bài 6** | Lão Hạc (Nam Cao) | **Truyện ngắn (hiện thực)** | - Lão Hạc: giúp người đọc hiểu và cảm thông sâu sắc với những kiếp người khốn khổ, tủi nhục; hiểu được tình cảm cha con sâu nặng, giá trị của nhân cách và việc giữ gìn nhân cách, phẩm giá con người.  - Trong mắt trẻ: gợi lên nhiều suy nghĩ về cách nhìn, cách nghĩ, cách sống của trẻ em rất khác với người lớn; trẻ em cũng cần được tôn trọng, người lớn cần thấu hiểu thế giới trẻ em để có cách ứng xử phù hợp;...  - Người thầy đầu tiên: ngợi ca lòng nhân hậu, bao dung và những hành động cao đẹp, sẵn sàng xả thân vì việc nghĩa, chống lại cái xấu, cái ác,...  - Cố hương: gợi lên trong người đọc tình yêu thương quê hương, bản quán; lòng xót thương cho những số phận con người bị nghèo khó đưa đẩy đến cuộc sống tăm tối, nghèo hèn,.. | - Xây dựng nhân vật sinh động, khắc hoạ tâm lí tinh tế.  - Trần thuật bằng ngôi thứ nhất làm tăng tính khách quan, chân thực cho câu chuyện.  - Kết hợp linh hoạt phương thức biểu đạt: tự sự và miêu tả, biểu cảm. | \*Truyện ngắn:  - Đọc và tóm tắt truyện, nắm bắt được sự kiện chính của truyện.  - Chỉ rõ chất hiện thực thể hiện trong truyện.  - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết tiêu biểu, cốt truyện, ngôn ngữ, nhân vật,...) và tác dụng của các yếu tố hình thức trong văn bản.  - Phân tích được nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp,...) mà nhà văn muốn gửi đến người đọc qua văn bản.  - Phân tích, nhận xét đặc điểm của nhân vật dựa trên các biểu hiện: hành động cử chỉ, lời nói, tình cảm, suy nghĩ.  - Chỉ ra nội dung, ý nghĩa của truyện và kết nối với cuộc sống, với bản thân. |
| Trong mắt trẻ (Ê-xu-pe-ri) | - Sử dụng ngôi kể thứ nhất giúp cho người đọc nắm bắt tâm trạng nhân vật sâu sắc, sinh động, chân thật và gần gũi hơn.  - Miêu tả tâm lí nhân vật chân thực, sinh động, tinh tế.  - Kết hợp trình bày các bức tranh tạo sự sinh động thu hút, giúp người xem dễ hình hình dung về nội dung câu chuyện. |
| - Người thầy đầu tiên (Ai-ma-tốp); - Cố hương (Lỗ Tấn) | - Sử dụng ngôi kể thứ nhất giúp truyện trở nên hấp dẫn và chân thực hơn. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: khắc họa nhân vật chủ yếu thông qua hành động, lời nói.  - Ngôn từ giàu chất thơ. | \*Tiểu thuyết:  - Tóm tắt được trình tự diễn biến các sự kiện và mối quan hệ của các sự kiện ấy trong văn bản.  - Nhận biết ngôi kể và tác dụng của ngôi kể.  - Phân tích, nhận xét đặc điểm, tính cách của nhân vật qua hành động, lời nói, thái độ, suy nghĩ cảm xúc.  - Xác định chủ đề, ý nghĩa của văn bản, liên hệ với cuộc sống hiện nay và bản thân.  - Đọc toàn văn tác phẩm để hiểu thêm vị trí, bối cảnh, các nhân vật trong đoạn trích. |
| **Bài 7.** | -Mời trầu (Hồ Xuân Hương);  -Xa ngắm thác núi Lư (Lý Bạch);  -Cảnh khuya (Hồ Chí Minh) | **Thơ Đường luật:**  **- Tứ tuyệt**  **- Thất ngôn bát cú** | - Đề tài viết về phong cảnh thiên nhiên (*Cảnh khuya, Xa ngắm thác núi Lư, Qua Đèo Ngang)*, qua đó, thể hiện nỗi lòng, tình cảm sâu nặng của mỗi tác giả với thiên nhiên, đất nước và con người.  - Ngoài đề tài thiên nhiên, các bài thơ Mời trầu, Vịnh khoa thi Hương mượn sự vật (miếng trầu, kì thi Hương) mà nói lên sự uất ức, đồng thời phê phán, châm biếm hiện thực xã hội. | - Bố cục:  + Bát cú: Đề - thực - luận - kết  + Tứ tuyệt: Khởi - thừa - chuyển - hợp  - Niêm: Chữ thứ hai của các cặp câu: 1-8, 2-3, 4-5, 6-7 trong thơ bát cú và 1-4, 2-3 trong thơ tứ tuyệt phải cùng thanh (bằng hoặc trắc) với nhau  - Luật: Chữ thứ hai của câu thứ nhất trong bài thơ mang thanh nào thì bài thơ được viết theo luật đó.  - Vần: Gieo vần ở chữ cuối cùng của các câu thơ 1,2,4,6,8 trong bài thơ bát cú và 1,2,4 trong bài thơ tứ tuyệt.  - Nhịp: 4/3 hoặc 2/3  - Đối: Phần thực và luận trong bài thơ bát cú đối về: âm, từ loại, nghĩa. | **\* Cách: đọc hiểu thơ Đường luật chữ Hán**  - Nhận biết được những yếu tố đặc trưng về hình thức và nội dung của thể thơ Đường luật.  - Phát hiện tình trong cảnh, qua đó hiểu được tâm sự sâu xa của tác giả.  - Rèn luyện kĩ năng nhận biết những thông tin hàm ẩn sau câu chữ, khả năng khái quát nội dung tác phẩm, năng lực nhất định trong việc so sánh giữa bản Phiên âm và bản Dịch thơ.  **\* Cách đọc hiểu thơ Đường luật chữ Quốc ngữ**  - Chú trọng đến kết cấu, cách sử dụng ngôn từ, cách gieo vần, cách vận dụng các thủ pháp nghệ thuật, nhất là nghệ thuật tả cảnh ngụ tình để thể hiện nội dung được phản ánh.  - Đối với văn bản thơ Đường luật hiện đại viết bằng chữ Quốc ngữ cần phát hiện, phân tích những điểm mới của thể loại này trong bối cảnh của thời đại như: cảm hứng nghệ thuật mới mẻ, ngôn ngữ hiện đại, gần gũi,... |
| Vịnh khoa thi Hương (Trần Tế Xương) | **\*Thơ trào phúng và các thủ pháp trào phúng**  - Thơ trào phúng: gắn liền với các cung bậc tiếng cười mang ý nghĩa xã hội.  + Tiếng cười hài hước: phê phán nhẹ nhàng.  + Tiếng cười châm biếm: lời lẽ sắc sảo, thâm thúy, sâu cay để phê phán, vạch trần đối tượng.  + Tiếng cười đả kích: chỉ trích, phản đối gay gắt đối tượng trào phúng.  - Các thủ pháp trào phúng: Chơi chữ, khẩu ngữ, nói quá, tương phản. | **\*Cách đọc hiểu thơ trào phúng**  Bên cạnh việc tuân thủ cách đọc hiểu bài thơ Đường luật nói chung, cần chú ý thêm đến các phương diện sau:  - Phân loại các đối tượng trào phúng để thấy rõ hơn các sắc thái châm biếm, hài hước mà tác giả dành riêng cho từng đối tượng.  - Quan tâm đến giọng điệu trào phúng của tác giả, sự kết hợp giữa cảm hứng trào phúng và trữ tình; phát hiện ra những giá trị thẩm mĩ mới sau mỗi câu chữ của bài thơ.  - Chú trọng đến các phép đối làm nổi bật hình tượng trào phúng, việc sử dụng ngôn từ, việc sử dụng các thủ pháp trào phúng như: chơi chữ, cường điệu, phóng đại, tương phản, đối lập,... |
| Qua Đèo Ngang (Bà Huyện Thanh Quan) |
| **Bài 8** | - Quang Trung đại phá quân Thanh (Ngô gia văn phái)  - Bên bờ Thiên Mạc (Hà Ân) | **-Truyện lịch sử**  **- Tiểu thuyết** | - Ngợi ca, biểu dương lòng yêu nước của các nhân vật lịch sử (Nguyễn Huệ - Quang Trung, Trần Hưng Đạo, Trần Bình Trọng,...)  - Thông điệp cho mỗi người: sống cần có khát vọng, lí tưởng, hoài bão cao đẹp nhưng phải tỉnh táo, thực tế; Đồng thời cần biết quan tâm, chia sẻ với người khác, với cộng đồng. | - Đặc điểm chung của các văn bản truyện lịch sử:  + Truyện lịch sử có bối cảnh là hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử nói chung được thể hiện qua các sự kiện, nhân vật lịch sử, phong tục, tập quán.  + Nhân vật chính của truyện lịch sử thường là người thật, việc thật, những anh hùng dân tộc; ngoài ra, tác giả còn có thể hư cấu thêm nhiều nhân vật khác.  + Ngôn ngữ của truyện lịch sử phải phù hợp với bối cảnh của giai đoạn lịch sử mà truyện tái hiện.  + Truyện lịch sử có hai dạng cốt truyện là cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật bằng nghệ thuật tương phản đối lập đặc sắc; Các dựng cảnh và kể chuyện tài tình, độc đáo của tác giả. | **\*Cách đọc văn bản truyện lịch sử**  - Xác định được những sự kiện lịch sử trong truyện.  - Cần chỉ ra được cốt truyện, bối cảnh, nhân vật chính trong truyện liên quan như thế nào với lịch sử và ngôn ngữ miêu tả mang không khí, dấu ấn lịch sử,...  - Tìm hiểu sâu về chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản truyện muốn thể hiện.  - Từ văn bản, liên hệ với bản thân và cuộc sống xung quanh để thấy ý nghĩa của nó đối với cuộc sống con người. |
| - Đánh nhau với cối xay gió (Xéc-van-tét) | **\*Cách đọc hiểu văn bản tiểu thuyết**  - Tìm đọc toàn văn tác phẩm để hiểu rõ vị trí và bối cảnh của đoạn trích.  - Tóm tắt được trình tự diễn biến các sự kiện và mối quan hệ của các sự kiện ấy trong văn bản.  - Nhận biết dạng cốt truyện và tuyến nhân vật.  - Phân tích, nhận xét đặc điểm nhân vật qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, hành động, lời nói, thái độ, cảm xúc… của nhân vật.  - Xác định được chủ đề, ý nghĩa của văn bản, liên hệ với cuộc sống hiện nay và bản thân. |
| - Tức nước vỡ bờ (Ngô Tất Tố |
| **Bài 9** | - Vẻ đẹp của bài thơ “Cảnh khuya” (Lê Trí Viễn),  - Nắng mới, áo đỏ và nét cười đen nhánh (Về bài thơ “Nắng mới” của Lưu Trọng Lư) (Lê Quang Hưng), | **Văn bản Nghị luận văn học:**  **- Nghị luận về một tác phẩm thơ**  **- Nghị luận về một tác phẩm truyện** | Các văn bản đều phân tích, chứng minh, bình luận một cách thuyết phục để chỉ rõ những nét đặc sắc về nội dung/chiều sâu tư tưởng/ giá trị nghệ thuật tiêu biểu của tác phẩm thơ/truyện; đồng thời khẳng định phong cách nghệ thuật/ ngòi bút tài hoa/ nhân cách cao đẹp của các nhà văn, nhà thơ. Từ đó, thể hiện sự trân trọng, mến phục của người viết đối với các tác giả. Qua các văn bản nghị luận, giúp HS hiểu sâu sắc, đầy đủ hơn về một khía cạnh cụ thể nào đó thuộc giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm thơ/truyện mà các em đã được học. | **\*Một số yếu tố đặc trưng của VB NL:**  - Luận đề là vấn đề trọng tâm bao trùm toàn bộ bài viết.  - Luận điểm gắn bó mật thiết với luận đề và được sắp xếp một cách hệ thống, hợp lí giúp cho luận đề của văn bản được sáng rõ, thuyết phục.  - Lí lẽ là những căn cứ để giải thích, làm rõ cho luận điểm.  - Bằng chứng là những ví dụ cụ thể về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học.  **\* Một số đặc sắc nghệ thuật trong các VB:**  - Cách nêu ý kiến tường minh, lí lẽ xác đáng; bằng chứng được lựa chọn phù hợp, phân tích sắc sảo; bình luận độc đáo, sâu sắc;  - Sử dụng những hình ảnh sáng tạo, giọng văn biểu cảm, có khí chất riêng (tài hoa, uyên bác, ...). | **\*Cách đọc văn bản nghị luận về tác phẩm thơ**  - Đọc kĩ nhan đề để xác định vấn đề nghị luận.  - Xác định các ý kiến mà người viết đưa ra (hệ thống luận điểm).  - Tìm những lí lẽ và bằng chứng mà người viết sử dụng để khẳng định ý kiến (mối quan hệ giữa các yếu tố).  - Xem xét thái độ, giọng điệu của người viết thể hiện trong văn bản để nhận ra mục đích viết.  - Xem xét cách thức người viết sử dụng để làm tăng tính thuyết phục cho văn bản (bố cục; các phép tu từ; từ ngữ, hình ảnh, kiểu câu,...) |
| - Chiều sâu của truyện “Lão Hạc” (Văn Giá); | **\*Cách đọc hiểu văn bản nghị luận về tác phẩm truyện**.  - Dựa vào nhan đề văn bản để xác định luận đề.  - Dựa vào bố cục hoặc ý chính của từng phần để xác định luận điểm.  - Hiểu được tác dụng của lí lẽ và bằng chứng làm rõ cho luận điểm; mối quan hệ giữa luận điểm và luận đề.  - Từ thái độ, giọng điệu, nhận ra mục đích nghị luận của văn bản.  - Từ những yếu tố nghệ thuật, nhận ra cách thuyết phục của người viết.  - Từ vấn đề gợi ra trong văn bản liên hệ kết nối với bản thân và tiếp nhận tác phẩm văn học ở nhiều góc độ khác nhau. |
| “Hoàng tử bé” - một cuốn sách diệu kì |  |
| **Bài 10** | - “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” - tác phẩm không bao giờ cũ dành cho thiếu nhi | **Văn bản thông tin** | - Các văn bản đã cung cấp nhiều thông tin về tác phẩm văn học: tác giả, nội dung, nhận xét những đặc sắc của tác phẩm. Từ đó, văn bản đã tạo được ấn tượng cho người đọc về tác phẩm văn học, khích lệ bạn đọc tìm hiểu về tác phẩm ấy.  - Các văn bản cung cấp nhiều thông tin về các bộ phim như: Giới thiệu chung, nội dung, đặc sắc nghệ thuật, nêu thông điệp, ý nghĩa của bộ phim để khơi gợi nơi người đọc về giá trị nội dung, thông điệp từ các bộ phim; Đồng thời, muốn chia sẻ, lan tỏa thông điệp của bộ phim đến mọi người. | - Sử dụng phương thức biểu đạt thuyết minh với cách giới thiệu, cung cấp thông tin về tác phẩm văn học/bộ phim theo trình tự rõ ràng, mạch lạc, hợp lí: Từ thông tin khách quan đến ý kiến chủ quan của người xem, người giới thiệu về nội dung và ý nghĩa tác phẩm văn học/bộ phim đó.  - Kết hợp nhan đề, sa-pô, kênh chữ, kênh hình tạo nên sự sinh động và ý nghĩa sâu sắc cho văn bản. | **\*Cách đọc văn bản thông tin giới thiệu một tác phẩm văn học:**  - Xác định tên tác phẩm văn học được giới thiệu.  - Xác định bố cục và thông tin chính trong mỗi phần của văn bản. Thông tin đó được giới thiệu theo trình tự nào.  - Hiểu mục đích của văn bản qua các nội dung thông tin được cung cấp.  - Nhận biết và hiểu tác dụng của sự kết hợp kênh chữ và kênh hình trong văn bản.  - Hiểu ý nghĩa của văn bản với bạn đọc và với bản thân em.  **\*Cách đọc văn bản thông tin giới thiệu một bộ phim.**  - Xác định tên bộ phim.  - Xác định bố cục và thông tin chính trong mỗi phần của văn bản. Thông tin đó được giới thiệu theo trình tự nào.  - Hiểu mục đích của văn bản qua các nội dung thông tin được cung cấp.  - Nhận biết và hiểu tác dụng của nhan đề, sa-pô, sự kết hợp kênh chữ và kênh hình trong văn bản.  - Hiểu ý nghĩa của văn bản với bạn đọc và với bản thân em. |
|  |  |  |  |  |

**II. ÔN TẬP PHẦN VIẾT**

**1. Hệ thống kiến thức phần Viết**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần đọc** | **Các dạng văn bản viết** | **Các kĩ năng viết được rèn luyện** |
| 1. Các văn bản truyện ngắn, truyện dài, truyện vừa | Phân tích một tác phẩm truyện | Rèn luyện kĩ năng phân tích tác dụng của yếu tố hình thức truyện: cần nhận biết và hiểu được các yếu tố hình thức và tác dụng của chúng trong việc biểu đạt nội dung. Các yếu tố hình thức của truyện thường được chú ý phân tích như nghệ thuật xây dựng nhân vật, cốt truyện, tình tiết, lời văn, ngôi kể,.. |
| 2. Các văn bản thơ Đường luật | Phân tích một tác phẩm thơ | Rèn luyện kĩ năng phân tích tác dụng của hình thức thơ: mỗi yếu tố hình thức (vần, nhịp, từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ,...) của văn bản thơ đều có tác dụng trong việc biểu đạt nội dung (cảm xúc, tình cảm, tư tưởng,...). Khi phân tích thơ cần thấy mối quan hệ giữa hình thức và nội dung, chỉ ra tác dụng của các yếu tố hình thức ấy. |
| 3. Các văn bản truyện lịch sử, tiểu thuyết | Nghị luận về một tư tưởng, đạo lý | Rèn luyện kĩ năng viết: quan hệ giữa vấn đề, ý kiến, lí lẽ và bằng chứng; câu chuyển đoạn trong bài nghị luận  - Để có sức thuyết phục, văn nghị luận đòi hỏi việc trình bày vấn đề, nêu ý kiến, lí lẽ và bằng chứng phải gắn bó chặt chẽ với nhau.  - Vấn đề và ý kiến thường nêu khái quát ở phần mở bài; nhiều văn bản thường nêu vấn đề ở nhan đề bài viết.  - Vấn đề và ý kiến được làm sáng tỏ bằng các lí lẽ và bằng chứng theo cách: nêu các ý lớn, tập trung làm sáng tỏ cho vấn đề, ý kiến; mỗi ý lớn là một đoạn văn. |
| 4. Các văn bản Nghị luận văn học | Nghị luận về một tác phẩm văn học | Rèn luyện kĩ năng nêu lí lẽ và bằng chứng trong phân tích tác phẩm văn học:  - Lí lẽ trong bài nghị luận phân tích tác phẩm văn học là những căn cứ, những lí do xác đáng gắn với nội dung phân tích mà người viết cần nêu lên để làm sáng tỏ cho luận điểm.  - Bằng chứng trong bài nghị luận phân tích tác phẩm văn học là những bằng chứng (câu văn, câu thơ, hình ảnh, chi tiết, sự việc,...) được trích trực tiếp hoặc gián tiếp để củng cố, chứng minh cho lí lẽ và góp phần khẳng định tính đúng đắn của luận điểm. |
| 5. Văn bản thông tin: Giới thiệu một tác phẩm văn học/một bộ phim | Viết bài giới thiệu một cuốn sách | Rèn luyện kĩ năng tóm tắt nội dung cuốn sách và cách xưng hô trong bài viết:  - Tóm tắt nội dung cuốn sách:  + Để giới thiệu cuốn sách, người viết cần tóm tắt được nội dung cuốn sách đó.  + Tóm tắt nội dung cuốn sách là nêu ngắn gọn, chính xác nội dung chính của cuốn sách.  - Cách xưng hô trong bài viết:  + Để thể hiện mối quan hệ với người đọc, người viết có thể lựa chọn sử dụng hoặc không sử dụng các từ ngữ để xưng hô.  + Từ ngữ xưng hô là những từ ngữ người viết sử dụng để tự xưng mình (ví dụ: tôi, ta, chúng tôi,...) và gọi người đọc mà mình định hướng đến là ai (ví dụ: bạn, các bạn, mọi người,...). Ngoài ra, còn phải sử dụng các từ ngữ khác nhau để gọi tên tác giả. Ví dụ, với tác giả Hồ Xuân Hương, có thể dùng các từ ngữ: nhà thơ, nữ thi sĩ, “Bà chúa thơ Nôm”, tác giả bài “Mời trầu”,..., tránh việc chỉ dùng lặp lại một từ để chỉ tác giả. |

**2. Phân biệt kiểu bài: Phân tích một tác phẩm thơ và Thuyết minh giới thiệu một tác phẩm thơ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Phân tích một tác phẩm thơ** | **Thuyết minh giới thiệu một tác phẩm thơ** |
| **Mục đích** | Là chỉ ra và thuyết phục, làm rõ (giải thích, phân tích, chứng minh, bình giá,...) cái hay, cái đẹp về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ ấy. | Là giới thiệu để người đọc biết được nội dung chính và những nét đặc sắc về hình thức của tác phẩm thơ ấy. |
| **Nội dung** | Người viết cảm nhận, phân tích và chỉ ra được những giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung, chủ đề tác phẩm và nét sáng tạo độc đáo. | Giới thiệu về những vấn đề của tác phẩm như: tác giả, hoàn cảnh ra đời,... giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ. |
| **Hình thức** | Triển khai hệ thống luận điểm, luận cứ, và các phép lập luận phân tích, chứng minh để làm rõ vấn đề nghị luận. | Trình tự triển khai bài viết: từ khái quát thông tin về tác giả, tác phẩm đến thông tin cụ thể về nội dung, hình thức của bài thơ; từ thông tin khác quan đến ý kiến chủ quan của người đọc, người xem hoặc người giới thiệu. |
| **Lời văn** | Rõ ràng, mạch lạc trong hệ thống lý lẽ, dẫn chứng logic, thể hiện quan điểm, cảm xúc của người viết. | Thể hiện cái nhìn khách quan, đưa ra thông tin rõ ràng, chuẩn xác. |

**III.. ÔN TẬP PHẦN NÓI VÀ NGHE**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Dạng bài nói nghe** | **Đặc điểm/Yêu cầu dạng bài nói nghe** | **Một số lưu ý về kĩ năng nói nghe** |
| **1** | Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội | - Là nêu rõ ý kiến (quan điểm) của người nói, sử dụng các luận điểm (ý kiến xác đáng) và bằng chứng tin cậy, cụ thể nhằm thuyết phục người nghe về một vấn đề xã hội.  - Vấn đề xã hội có thể là một câu hỏi cần trả lời, một điều cần giải quyết, một hiện tượng tích cực hoặc tiêu cực hay vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực trong cuộc sống. | |
| **2** | Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một tác phẩm thơ | - Tóm tắt ý chính của nội dung bài nói cũng giống như tóm tắt ý chính của một văn bản viết; về độ dài có thể khác nhau, nhưng yêu cầu bắt buộc là nêu được các ý chính của bài trình bày.  - Tóm tắt nội dung thuyết trình về một tác phẩm thơ cần đảm bảo các thông tin: về tác giả; bối cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa của đất nước khi tác giả viết bài thơ; chủ đề của bài thơ; những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ; cảm xúc của người thuyết trình về bài thơ… | |
| **3** | Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một nhân vật lịch sử hoặc tác phẩm văn học. | Để thực hiện tốt việc nghe và tóm tắt, cần:  - Tìm hiểu trước nhân vật hoặc tác phẩm văn học mà bài thuyết trình, liệt kê những gì em đã biết, đang quan tâm và muốn tìm hiểu thêm về đề tài của bài thuyết trình;  - Theo dõi và ghi lại những nội dung chính (thường được giới thiệu ở phần đầu của bài thuyết trình);  - Theo dõi các ví dụ, số liệu, hình ảnh, sơ đồ, ... mà người nói sử dụng để làm rõ các ý chính của bài thuyết trình; ghi tóm tắt các nội dung đó bằng từ/cụm từ, đồng thời sử dụng các kí hiệu;  - Lưu ý những từ ngữ có tính chất chuyển ý, dẫn dắt. | |
| **4** | Thuyết trình bài giới thiệu về một vấn đề của tác phẩm văn học | Yêu cầu:  - Xác định đó là vấn đề gì, trong tác phẩm nào (nêu luận đề).  - Đưa ra những ý kiến để làm rõ vấn đề đó (nêu các luận điểm).  - Đưa ra lí lẽ và bằng chứng, lí giải, phân tích bằng chứng để làm sáng tỏ cho luận điểm  - Cần trình bày rõ ràng, mạch lạc, truyền cảm, sử dụng hiệu quả các yếu tố phi ngôn ngữ (nét mặt, cử chỉ, ánh mắt,...) | |
| **5** | Giới thiệu một cuốn sách | Yêu cầu:  - Lựa chọn cuốn sách em yêu thích để giới thiệu.  - Đọc kĩ cuốn sách để tóm tắt ngắn gọn, chính xác nội dung chính, hình thức, nghệ thuật, giá trị, ý nghĩa của cuốn sách.  - Tìm hiểu, lựa chọn, thu thập thông tin, hình ảnh liên quan cuốn sách qua các nguồn tin cậy.  - Trình bày đầy đủ các thông tin chung, thông tin về nội dung, hình thức, giá trị, ý nghĩa của cuốn sách. | |

**IV. ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung chính** | **Khái niệm** | **Ví dụ** |
| 1. Từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội. | - Từ ngữ toàn dân của một ngôn ngữ là từ ngữ được sử dụng rộng rãi trong mọi vùng miền của đất nước.  - Từ ngữ địa phương là những từ ngữ được sử dụng ở một vùng miền nhất định.  - Biệt ngữ xã hội là những từ ngữ được dùng với nghĩa riêng trong một nhóm xã hội nhất định. | - TNTD: cha, mẹ, sắn, ngô, gì, nào, sao, thế,...  - TNĐP: thầy, u, mì, bắp, chi, răng, rứa,...  - BNXH: một số từ ngữ được tạo ra bằng cách nói, viết chệch âm chuẩn như bít (biết), rùi (rồi), pó tai (bó tay) hoặc nói tắt như ga tô (ghen ăn tức ở),… |
| 2. Đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình và từ tượng thanh. | - Đảo ngữ: là biện pháp tu từ, theo đó, một bộ phận câu được chuyển từ vị trí thông thường (vốn có) sang vị trí khác nhằm nhấn mạnh vào sự vật, sự việc được biểu thị bởi bộ phận đó hoặc tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu trong văn bản. Trong một số trường hợp, đảo ngữ vừa nhấn mạnh vừa tạo sự liên kết.  - Câu hỏi tu từ là câu có đặc điểm hình thức của câu hỏi nhưng không dùng để hỏi mà dùng để gián tiếp biểu thị các mục đích giao tiếp khác như cầu khiến, biểu cảm, khẳng định, phủ định.  - Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh của sự vật; Từ tượng thanh là từ gợi tả (mô phỏng) âm thanh của tự nhiên hoặc âm thanh do con người tạo ra. Từ tượng hình và từ tượng thanh gợi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao; do đó, thường được sử dụng trong thơ văn và lời ăn tiếng nói hằng ngày. | **-** Đảo ngữ: “Chị Mơ thấy cháu mệt thì đi nấu cháo. Cháo, cháu cũng không ăn được.” (Nguyễn Thị Ngọc Tú).  - Câu hỏi tu từ: các câu hỏi sau là những câu biểu cảm: “Đưa người, ta không đưa qua sông/Sao có tiếng sóng ở trong lòng/Bóng chiều không thắm, không vàng vọt/Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?” (Thâm Tâm)  - Từ tượng hình: lom khom, lênh khênh, rũ rượi, xộc xệch, vắt vẻo,...  - Từ tượng thanh: ào ào, ha hả, róc rách, ù ù,... |
| 3. Câu khẳng định và câu phủ định. | - Câu khẳng định là câu dùng để thông báo, xác nhận sự tồn tại của một sự vật, sự việc nhất định. Về hình thức, câu khẳng định thường không chứa các từ ngữ mang nghĩa phủ định.  - Câu phủ định là câu dùng để thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc hoặc bác bỏ một ý kiến, một nhận định nào đó. Về hình thức, câu phủ định thường có các từ ngữ mang nghĩa phủ định như: không, chưa, chẳng, chả, không phải, chẳng phải, đâu (có), có... đâu, làm gì, làm sao,... | - Câu khẳng định: “Tháng Tám, hồng ngọc đỏ, hồng hạc vàng, không ai không từng ăn trong tết Trung thu ...” (Băng Sơn)  - Câu phủ định: “Bác chưa hát vì chưa có người nghe.” (Thạch Lam); “Lạy chị, em nói gì đâu!” (Tô Hoài) |
| 4. Thành phần biệt lập trong câu. | - Thành phần gọi - đáp: được dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp.  - Thành phần cảm thán: được dùng để bộc lộ cảm xúc (vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên,...) của người nói.  - Thành phần tình thái: được dùng để biểu thị cách nhìn nhận, đánh giá của người nói (người viết) đối với sự việc được nói đến trong câu.  - Thành phần chuyển tiếp: được dùng để nêu lên một ý chuyển tiếp giữa câu chứa nó với một câu, một đoạn đứng trước hoặc sau đó.  - Thành phần phụ chú: được dùng để giải thích hoặc nêu ý kiến bình luận đối với sự vật, sự việc được nói đến trong câu. | - Thành phần gọi-đáp: “**Này**, thầy nó ạ.” (Kim Lân); “**Vâng**, tôi xin đi.” (Nguyễn Công Hoan).  - Thành phần cảm thán: “**Ôi chào**, sớm với muộn thì có ăn thua gì.” (Thạch Lam).  - Thành phần tình thái: “Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại ...” (Ngô Tất Tố).  - Thành phần chuyển tiếp: “**Như đã giải thích bên trên**, mưa sao băng là do những ngôi sao chổi gây ra.” (Theo Hồng Nhung).  - Thành phần phụ chú: “Buổi mai hôm ấy, **một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh**, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp.” (Thanh Tịnh). |
| 5. Câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu kể. | - Câu hỏi là câu dùng để hỏi thông tin. Về hình thức, câu hỏi thường có các từ nghi vấn: ai, gì, nào, sao, đâu, bao giờ, mấy, bao nhiêu, à, ư, hả, chứ, có... không.  - Câu khiến là câu dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo, ngăn cấm.  - Câu cảm là câu dùng để biểu lộ trực tiếp cảm xúc của người nói. Câu cảm thường có các từ ngữ cảm thán như: a, ôi, than ôi, hỡi ơi, trời ơi, chao ôi, thay, biết bao, biết chừng nào,...  - Câu kể là câu được dùng để trình bày (trần thuật, miêu tả, nhận định,...) về sự vật, sự việc. Câu kể không có đặc điểm hình thức của câu hỏi, câu khiến, câu cảm. | - Câu hỏi: “San chả làm nội trợ mãi rồi đấy ư?” (Nam Cao)  - Câu khiến: “Đừng có đi đâu đấy.” (Kim Lân), “Con nín đi!” (Nguyên Hồng).  - Câu cảm: “Lo thay! Nguy thay! (Khúc đê này hỏng mất.)” (Phạm Duy Tốn).  - Câu kể: “Trời sắp mưa đấy!” |

**PHẦN B. BÀI TẬP VẬN DỤNG LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU VÀ LÀM VĂN**

1. **ĐỀ ĐỌC HIỂU**

**ĐỀ 1 THÁI SƠN PHẦN I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN (6.0 điểm)**

Đọc văn bản sau:

*Gần trưa, Chiêu Minh vương hộ tống nhà vua tiễn Trần Quốc Tuấn ra bến Đông làm lễ tế cờ xuất sư. […] Không khí trang trọng đến tức thở. Nhân Tông vái Trần Quốc Tuấn và phán:*

*- Từ nay việc an nguy của giang sơn xã tắc trẫm xin trao cho Quốc công.*

*Trần Quốc Tuấn nghiêm trang đáp lễ:*

*- Lão thần thề không để nhục mệnh của bệ hạ.*

*Nhân Tông ban kiếm Thượng Phương, trao quyền chém trước tâu sau cho Trần Quốc Tuấn. Nhà vua chăm chú nhìn vị tướng già và thấy Trần Quốc Tuấn quắc thước lạ lùng.*

*Từ trên đài cao, Trần Quốc Tuấn lặng nhìn các đội quân hàng ngũ chỉnh tề bên dưới. […] Trần Quốc Tuấn thấy tất cả sức mạnh của dân tộc từ nghìn xưa truyền lại nâng cao tâm hồn ông lên khiến cho hai vai ông dư sức gánh sứ mệnh nặng nề. Ông thét lớn:*

*- Bớ ba quân!*

*Tiếng dạ vang dậy kinh thành và sông nước.*

*Trần Quốc Tuấn lại thét tiếp:*

*- Quan gia đã hạ chỉ cho ta lĩnh cờ tiết chế cùng các ngươi xuất sư phá giặc. Kiếm Thượng Phương đây! -Trần Quốc Tuấn nâng cao kiếm lên khỏi đầu.*

*- Ai trái mệnh, phản dân, hại nước, ta sẽ nghiêm trị không tha.*

*Quân sĩ lại đồng thanh dạ ran. Nhân Tông vẫy Dã Tượng lại gần, cầm lấy cái gậy trúc xương cá của Trần Quốc Tuấn. Nhà vua ân cần trao cây gậy cho vị tướng già và dặn dò: […]*

*- Trọng phụ tuổi đã cao, xin vì trẫm, vì đất nước và trăm họ mà giữ gìn sức khỏe.*

(Trích [Trên sông truyền hịch](https://hoatieu.vn/hoc-tap/bo-de-ngu-van-8-sach-moi-co-dap-an-223124), Hà Ân)

Lựa chọn đáp án đúng:

**Câu 1 : Văn bản trên thuộc thể loại nào?**

A. Truyện ngắn hiện đại. B. Truyện khoa học viễn tưởng.

C. Truyện lịch sử. D. Truyền đồng thoại.

**Câu 2. Ý nào nói đúng về phương thức biểu đạt của văn bản?**

A. Thuyết minh B. Nghị luận

C. Tự sự D. Miêu tả

***Câu 3***. **Vua Trần Nhân Tông gửi gắm với Trần Quốc Tuấn vấn đề trọng đại gì?**

A. Trao kiếm B. Dặn dò nhiều điều

C. Trọng phụ tuổi đã cao, xin vì trẫm, vì đất nước và trăm họ mà giữ gìn sức khỏe.

D. Từ nay việc an nguy của giang sơn xã tắc trẫm xin trao cho Quốc công.

***Câu 4***. **Vua ban vật quý gì cho Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Tuấn sẽ có quyền gì?**

A. Rượu quý, quyền lãnh đạo ba quân.

B. Ban kiếm Thượng Phương, quyền chém trước tâu sau.

C. Áo choàng, quyền quản lí quân sĩ.

D. Ban kiếm Thượng Phương , quyền gặp vua bất cứ lúc nào.

***Câu 5*. Tại sao không khí buổi lễ tế cờ xuất sư được miêu tả trang trọng đến tức thở?**

A. Vì đây là buổi lễ quan trọng chuẩn bị cho cuộc chiến chống lại quân Nguyên - Mông xâm lược.

B. Vì đây là buổi lễ vua lên ngôi.

C. Vì đây là buổi lễ quan trọng của hoàng cung.

D. Vì đây là buổi chia tay sinh tử.

**Câu 6. Em hiểu thế nào về lời hứa của Trần Quốc Tuấn với vua: Lão thần thề không để nhục mệnh của bệ hạ.**

A.Trần Quốc Tuấn rất tự tin.

B.Trần Quốc Tuấn tự tin và thể hiện quyết tâm mang về chiến thắng để báo đáp niềm tin tưởng của vua.

C.Trần Quốc Tuấn hứa hẹn chiến thắng quân giặc.

D.Trần Quốc Tuấn sẽ bảo vệ danh dự cho vua.

**Câu 7. “Trần Quốc Tuấn thấy tất cả sức mạnh của dân tộc từ nghìn xưa truyền lại nâng cao tâm hồn ông lên khiến cho hai vai ông dư sức gánh sứ mệnh nặng nề”. Câu văn này gợi đến tâm trạng, cảm xúc gì của Trần Quốc Tuấn?**

A.Trần Quốc Tuấn cảm nhận được sức mạnh của dân tộc và niềm hứng khởi khi đón nhận sứ mệnh vua ban.

B. Trần Quốc Tuấn thấy vui vẻ.

C. Trần Quốc Tuấn thấy ai cũng đáng tin yêu

D. Trần Quốc Tuấn thấy dân tộc mình thật kiên cường.

**Câu 8. Có thể hiểu câu dặn dò của vua với Trần Quốc Tuấn "Trọng phụ tuổi đã cao, xin vì trẫm, vì đất nước và trăm họ mà giữ gìn sức khỏe” như thế nào?**

A. Vua mong Trần Quốc Tuấn bình an trở về.

B. Vua mong Trần Quốc Tuấn biết bảo trọng thân thể vì vua, vì đất nước.

C. Vua lo lắng, yêu mến, kính trọng Trần Quốc Tuấn.

D. Cả A,B,C đều đúng.

**Câu 9.** **Em hãy nêu nhận xét của mình về vị tướng già Trần Quốc Tuấn?**

**Câu 10. Qua văn bản và cách biểu hiện của các nhân vật, em rút ra được bài học gì cho bản thân?**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **Câu 1- 8: Mỗi câu đúng ( 0,5 điểm)**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | | **Đáp án** | **C** | **C** | **D** | **B** | **A** | **B** | **A** | **D** | | | |
| **8** | Trần Quốc Tuấn là một vị tướng giỏi, uy nghi, dũng mãnh. Ông được các vua thời Trần tín nhiệm, nhân dân yêu mến, là con người suốt cả đời theo nghiệp nhà binh, bảo vệ đất nước bao phen khỏi kẻ thù xâm lược, đã từng đánh thắng giặc Nguyên Mông lần thứ nhất vào năm 1257, lần thứ hai vào năm 1285, lần thứ ba vào năm 1288….  **Hướng dẫn chấm**:  - Trả lời được như đáp án: 1,0 điểm.  - Trả lời được 1/2 ý như đáp án: 0,5 điểm  - Trả lời được 1 ý như đáp án: 0,25 điểm | 1,0 |
| **10** | HS rút ra 2 đến 3 bài học có ý nghĩa cho bản thân, phù hợp chuẩn mực đạo đức. Đây là định hướng:  - Chúng ta cần phải sống và làm việc hết mình vì đất nước.  - Phải đặt lợi ích, vận mệnh dân tộc lên mọi lợi ích khác.  - Dù là ở cương vị cao hơn cũng luôn phải tôn trọng người lớn tuổi, người có tài.  - Khi làm việc gì cũng luôn cần sự tự tin, kiên trì và quyết tâm.  **Hướng dẫn chấm**:  - Đưa ra được 2, 3 bài học hợp lí: 1 điểm  - Đưa ra được 1,2 bài học hợp lí: 0.5 điểm.  - Đưa ra được 1 bài học hợp lí: 0.25 điểm. | 1,0 |

**Đề 2 Tân Viên I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Thời nhà Trần có một người tên là Yết Kiêu, sức khỏe phi thường. Đặc biệt, ông bơi lội rất giỏi. Mỗi lần ông lặn xuống biển, người ta cứ tưởng như ông đi trên đất liền. Nhiều khi ông sống ở dưới nước sáu, bảy ngày mới lên.*

*Hồi ấy, giặc Nguyên sang cướp nước ta. Chúng cho một trăm chiếc tàu lớn tiến vào cửa biển Vạn Ninh. Nhà vua sai sứ giả đi tìm người đánh giặc. Yết Kiêu bèn tìm đến, tâu vua rằng:*

*- Thần tuy tài hèn sức yếu nhưng cũng quyết cho lũ giặc vào bụng cá.*

*Vua hỏi:*

*- Nhà ngươi cần bao nhiêu người, bao nhiêu thuyền bè?*

*- Tâu bệ hạ, thần chỉ cần một cái dùi sắt, một chiếc búa nhất định sẽ tiêu diệt được kẻ địch – ông đáp.*

*Một mình ông lặn xuống biển, tìm đáy tàu giặc, đục thủng tàu. Tàu giặc đắm hết chiếc này đến chiếc khác. Quân giặc vô cùng sợ hãi.*

*Mãi về sau, giặc đem một cái ống nhòm thủy tinh có phép nhìn thấu qua nước, thấy ông đi lại thoăn thoắt như đi trên bộ. Chúng bèn đem cái vó bằng sắt, nhân lúc ông đang mải đục một chiếc tàu, buông xuống chụp lấy ông. Bắt được Yết Kiêu, giặc tra khảo ông:*

*- Nước Nam có bao nhiêu kẻ lặn được như ngươi?*

*Ông bảo chúng:*

*- Không kể những người đi lại dưới nước suốt mười ngày không lên, còn như hạng ta thì một trăm chiếc tàu của chúng bay cũng không chở hết.*

*Giặc dụ dỗ ông đưa chúng đi bắt những người khác. Ông giả vờ nghe theo, rồi thừa lúc chúng vô ý, nhảy xuống nước trốn đi. Bấy giờ quân giặc đã bị thiệt hại khá nặng, lại nghe nói nước Nam nhiều người có tài lặn nên đành phải quay tàu trở về, không dám quấy nhiễu nữa.*

(Trích *Truyện ông Yết Kiêu*, NXB Giáo dục)

**Câu 1 (0.5 điểm)** : **Đoạn trích kể theo ngôi kể và trình tự kể là gì?**

A. Ngôi kể thứ nhất – kể xuôi theo trình tự thời gian.

B. Ngôi kể thứ ba – kể xuôi theo trình tự thời gian.

C. Ngôi kể thứ nhất – kể ngược theo hồi tưởng.

D. Ngôi kể thứ ba – kể ngược theo hồi tưởng.

**Câu 2 (0.5 điểm) : Nhân vật trung tâm của đoạn trích là ai?**

A. Vua Trần B. Trần Quốc Tuấn. C. Giặc Mông Nguyên. D. Yết Kiêu.

**Câu 3 (0.5 điểm) : Đoạn trích trên gắn liền với sự kiện lịch sử nào của dân tộc?**

A. Lê Hoàn đánh tan kẻ thù trên sông Bạch Đằng.

B. Nhà Trần ba lần chiến thắng giặc Nguyên Mông.

C. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn của Lê Lợi và Nguyễn Trãi. D. Nguyễn Huệ - Quang Trung đại phá 30 vạn quân Thanh.

**Câu 4 (0.5 điểm):** **Trong câu “- Tâu bệ hạ, thần chỉ cần một cái dùi sắt, một chiếc búa nhất định sẽ tiêu diệt được kẻ địch – ông đáp”, từ (nhất định) là thành phần biệt lập nào?**

A. Thành lập biệt lập tình thái.

B. Thành phần biệt lập gọi đáp

C. Thành phần biệt lập cảm thán

D. Thành phần biệt lập phụ chú.

**Câu 5 (0.5 điểm)**: **Ý nào sau đây thể hiện đúng biện pháp xây dựng nhân vật Yết Kiêu trong câu truyện trên?**

A: Để cho nhân vật Yết Kiêu tự kể, miêu tả

B: Để cho nhân vật nhà vua kể, miêu tả

C: Nhân vật hiện lên qua ngôn ngữ, hành động

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

**Câu 6 (0.5 điểm) : Tài năng của nhân vật được thể hiện qua đoạn trích là gì?**

A. Có thể huấn luyện tượng binh rất tài giỏi, xong pha mọi chiến trường.

B. Chế tác thuyền chiến và súng thần công cho quan triều đình.

C. Điều binh khiển tưởng, đánh thủy quân gan dạ như thần.

D. Lặn xuống biển như đi trên đất liền, đục thủng thuyền giặc.

**Câu 7 (0.5 điểm).** **Chi tiết nào sau đây thể hiện phẩm chất thông minh của Yết Kiêu?**

A. Mỗi lần ông lặn xuống biển, người ta cứ tưởng như ông đi trên đất liền. Nhiều khi ông sống ở dưới nước sáu, bảy ngày mới lên.

B**.** Yết Kiêu bèn tìm đến, tâu vua rằng:

- Thần tuy tài hèn sức yếu nhưng cũng quyết cho lũ giặc vào bụng cá.

C. - Tâu bệ hạ, thần chỉ cần một cái dùi sắt, một chiếc búa nhất định sẽ tiêu diệt được kẻ địch – ông đáp.

D. Giặc dụ dỗ ông đưa chúng đi bắt những người khác. Ông giả vờ nghe theo, rồi thừa lúc chúng vô ý, nhảy xuống nước trốn đi.

**Câu 8 *(0,5 điểm)*** **Trong đoạn trích việc sử dụng các từ Hán Việt mang sắc thái là gì?**

A. Sắc thái trang trọng, lịch sự.B. Tránh cảm giác thô tục, ghê sợ.

C. Tránh cảm giác đau buồn, mất mát. D. Sắc thái giản di, mộc mạc, gần gũi.

**Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9 (1.0 điểm) :** **Cảm nhận của em về nhân vật qua chi tiết sau:**

*Hồi ấy, giặc Nguyên sang cướp nước ta. Chúng cho một trăm chiếc tàu lớn tiến vào cửa biển Vạn Ninh. Nhà vua sai sứ giả đi tìm người đánh giặc. Yết Kiêu bèn tìm đến, tâu vua rằng:*

*- Thần tuy tài hèn sức yếu nhưng cũng quyết cho lũ giặc vào bụng cá.*

*Vua hỏi:*

*- Nhà ngươi cần bao nhiêu người, bao nhiêu thuyền bè?*

*- Tâu bệ hạ, thần chỉ cần một cái dùi sắt, một chiếc búa – ông đáp.*

**Câu 10 (1.0 điểm): Những bài học em rút ra từ đoạn trích đã cho.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. Đọc**  **hiểu** | **1** | B | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
| **9** | \*HS đưa ra các cảm nhận hợp lí cho điểm. Một số gợi ý:  - Yết Kiêu là một người có trí dũng song toàn, yêu nước căm thù giặc sâu sắc .  - Ông không sợ giặc , thông minh, gan dạ dũng cảm  - Ông có tài bơi lội và lặn rất giỏi.  ….*\*HS làm đủ 3 ý hợp lí cho đủ điểm, làm 2 ý hợp lí cho 0,75 điểm, 1 ý hợp lí cho 0,5 điểm. Chấp nhận cách diễn đạt khác của HS.* | 1,0 |
| **10** | **\*Lưu ý**: HS có thể diễn đạt, nêu những ý nghĩa khác nhau, GV linh động trên hiểu biết, diễn đạt của HS.  *-HS đưa ra 04 ý nghĩa hợp lí cho 1,0 điểm. HS đưa ra 03 ý nghĩa hợp lí cho 0,75 điểm. HS đưa ra 02 ý nghĩa hợp lí cho 0,5 điểm. HS đưa ra 01 ý nghĩa hợp lí cho 0,25 điểm.*  **\*Một số gợi ý**  - Trong cuộc sống của chúng ta phải luôn cố gắng nổ lực phấn đấu thì mới thành công được.  - Phải luôn hăng say tập luyện sức khỏe một cách chăm chỉ để có thể có 1 lối sống lành mạnh và khỏe khoắn  - Phải luôn có lòng yêu nước gống như ông luôn phải biết kiên cương mạnh mẽ,luôn đấu tranh vì đất nước dân tộc.  - Liên hệ trách nhiệm bản thân.   … | 1,0 |

**Đề 3 LKC Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

**XUÂN VỀ**

Đã thấy xuân về với gió đông,

Với trên màu má gái chưa chồng.

Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm

Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong.

Từng đàn con trẻ chạy xun xoe,

Mưa tạnh giời quang, nắng mới hoe.

Lá nõn, nhành non ai tráng bạc?

Gió về từng trận, gió bay đi…

Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,

Lúa thì con gái mượt như nhung

Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,

Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.

Trên đường cát mịn, một đôi cô,

Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.

Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,

Tay lần tràng hạt miệng nam vô.

1937

Nguyễn Bính

**Câu 1.** (0,5 điểm**) Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?**

A. Bốn chữ B. Năm chữ C. Sáu chữ D. Bảy chữ

**Câu 2.** (0,5 điểm) **Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên**.

A. Tự sự B. Miêu tả C. Biểu cảm D. Nghị luận

**Câu 3.** (0,5 điểm) **Chủ đề của bài thơ trên là gì?**

A. Mùa hạ. B. Mùa thu. C. Mùa xuân. D. Mùa đông.

**Câu 4.** (0,5 điểm**) Xác định nội dung chính của văn bản?**

A. Bức tranh mùa xuân tươi sáng, trong lành, đầy sức sống.

B. Bức tranh mùa xuân thanh bình, yên ả.

C. Bức tranh mùa xuân buồn bã, tĩnh vắng.

D. Bức tranh mùa xuân đơn sơ, mộc mạc.

**Câu 5.** (0,5 điểm) **Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu *“Lúa thì con gái mượt như nhung”.***

A. So sánh B. Nhân hóa C. Ẩn dụ D. Hoán dụ

**Câu 6.** (0,5 điểm) **Cảm xúc của tác giả trong câu thơ: “Lá nõn, nhành non ai tráng bạc?” là:**

A. Bồi hồi, xúc động. B. Buồn thương, nuối tiếc.

C. Lưu luyến, vấn vương. D. Ngỡ ngàng, vui sướng.

**Câu 7.** (0,5 điểm) **Chọn câu đúng nhất về tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ: *“Lúa thì con gái mượt như nhung”.***

A. Gợi hình, gợi cảm. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa.

B. Gợi hình ảnh sinh động về cây lúa.

C. Gợi cảm xúc về tình yêu đối với cây lúa.

D. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa.

**Câu 8.** (0,5 điểm) **Ý nghĩa của hình ảnh đôi mắt người thiếu nữ trong câu “Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong”.**

A. Vẻ đẹp đôi mắt của cô gái. B. Sự quyến rũ, thơ mộng của cô gái.

C. Vẻ đẹp trong xanh của bầu trời. D. Vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng của cô gái.

**Câu 9** (1,0 điểm). **Trình bày nét đẹp văn hóa làng quê Việt Nam qua hai câu thơ:**

“Trên đường cát mịn, một đôi cô,

Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.”

**Câu 10** (1,0 điểm)**.**  **Anh/ Chị rút ra được thông điệp tích cực gì sau khi đọc văn bản?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **Câu 1** | D. Bảy chữ | 0,5 điểm |
| **Câu 2** | C. Biểu cảm | 0,5 điểm |
| **Câu 3** | C. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. | 0,5 điểm |
| **Câu 4** | A. Bức tranh mùa xuân tươi sáng, trong lành, đầy sức sống. | 0,5 điểm |
| **Câu 5** | A. So sánh | 0,5 điểm |
| **Câu 6** | D. Ngỡ ngàng, vui sướng. | 0,5 điểm |
| **Câu 7** | A. Gợi hình, gợi cảm. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa. | 0,5 điểm |
| **Câu 8** | D. Vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng của cô gái. | 0,5 điểm |
| **Câu 9** | Qua bài thơ “Xuân về” của Nguyễn Bính, em thấy thêm trân trọng những nét đẹp về văn hóa của Việt Nam. Mong rằng những truyền thống này sẽ được giữ gìn và phát triển lâu dài... | 1,0 điểm |
| **Câu 10** | - Trân trọng những nét đẹp về văn hóa, phong tục của con người Việt Nam từ ngàn xưa.  - Cần phải giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc ta.  - Một số trang phục truyền thống của dân tộc ta cần được bảo tồn,kế thừa và phát huy.được giữ gìn và phát triển lâu dài.  - Mỗi học sinh cần bồi dưỡng cho mình tình yêu quê hương trong sáng… | 1,0 điểm |

**Đề 4 Mỹ Đức Phần I: Đọc hiểu văn bản (6,0 điểm)**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

**CÂU CHUYỆN VỀ HAI HẠT LÚA**

*Có hai hạt lúa nọ được giữ lại để làm hạt giống cho vụ sau vì cả hai đều là những hạt lúa tốt, đều to khoẻ và chắc mẩy.*

*Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó. Hạt thứ nhất nhủ thầm: "Dại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân mình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng mà ta đang có, ta sẽ cứ ở khuất trong kho lúa thôi". Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.*

*Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng. Lúc này chất dinh dưỡng chẳng giúp ích được gì - nó chết dần chết mòn.*

*Trong khi đó, hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đất nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt. Nó lại mang đến cho đời những hạt lúa mới...*

(Theo *Hạt giống tâm hồn*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2004 trang 12)

**Câu 1.** **Văn bản trên được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?**

A.Tự sự B.Miêu tả C. Nghị luận D. Biểu cảm

**Câu 2.** **Văn bản trên có mấy nhân vật ?**

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 3**: **Văn bản trên được kể theo ngôi kể nào?**

A, Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và thứ ba

**Câu 4. Cụm từ *“chết dần chết mòn”* trong câu là:**

A. Thành ngữ B. Tục ngữ C. Ca dao D. Vè

**Câu 5. Từ hình ảnh hạt lúa thứ nhất bị héo khô, tác giả muốn phê phán điều gì?**

A. Sự ích kỉ chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân mình.

B. Sự vô cảm không quan tâm đến người khác.

C. Hiếu thắng khinh thường người khác.

D. Sự hèn nhát ích kỉ, không dám đương đầu với khó khăn luôn trốn tránh trong sự an toàn vô nghĩa.

**Câu 6.** **Trong câu chuyện trên, khi được ông chủ mang gieo xuống đất hạt lúa thứ hai có tâm trạng gì?**

1. Buồn bã B. Lo lắng C. Sung sướng D. Đắn đo

**Câu7. Câu văn*“Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó.”* thuộc kiểu câu gì?**

1. Câu nghi vấn B. Câu cầu khiến C.Câu cảm thán D.Câu trần thuật

**Câu 8. Chủ đề của văn bản trên là gì ?**

A. Ý chí và nghị lực vươn lên trong cuộc sống của mỗi con người.

B. Tinh thần, trách nhiệm, sự cống hiến và hi sinh để mang lại điều tốt đẹp cho cuộc sống.

C. Dũng cảm, đối mặt với các khó khăn trong cuộc sống.

D. Biết ơn, những người đã chia sẻ, giúp đỡ chúng ta vượt qua những khó khăn trong cuộc sống.

**Câu 9.** **Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích sau: “** *Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.”*

**Câu 10.** Thông điệp em rút ra từ câu chuyện trên là gì?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| I |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | A | 0,5 |
| 2 | C | 0,5 |
| 3 | C | 0,5 |
| 4 | A | 0,5 |
| 5 | D | 0,5 |
| 6 | C | 0,5 |
| 7 | D | 0,5 |
| 8 | B | 0,5 |
| 9 | - Chỉ ra được biện pháp tu từ nhân hóa khi xây dựng nhân vật hai hạt lúa: “*ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.”*  - Nêu được ý nghĩa, tác dụng của biện pháp tu từ :  + Làm cho câu văn sinh động, hấp dẫn tăng sức gợi hình gợi cảm.  + Nhấn mạnh tinh thần, trách nhiệm và sự cống hiến, hi sinh để mang lại điều tốt đẹp cho cuộc sống.  + Thể hiện thái độ trân trọng, ngợi ca ngững người sống có trách nhiệm... | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| 10 | - Nêu được thông điệp rút ra từ câu chuyện. Có thể là:  + Sống phải có trách nhiệm, không nên ích kỉ, an phận, ngại khó khăn, gian khổ, không thể giữ mình trong một vỏ bọc khép kín.  + Sống có trách nhiệm giúp chúng ta hoàn thành công việc, vượt qua khó khăn thử thách trong cuộc sống.  + Trong cuộc sống cần phải can đảm biết chấp nhận những khó khăn, thử thách để trưởng thành.  + Trân trọng, ngợi ca ngững người sống có trách nhiệm, hi sinh để mang lại những điều tốt đẹp cho cuộc sống? | 1,0 |

**Đề 5 Nguyễn Chuyên Mỹ PHẦN I. ĐỌC (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

Gần trưa, Chiêu Minh vương hộ tống nhà vua tiễn Trần Quốc Tuấn ra bến Đông làm lễ tế cờ xuất sư. […] Không khí trang trọng đến tức thở. Nhân Tông vái Trần Quốc Tuấn và phán:

- Từ nay việc an nguy của giang sơn xã tắc trẫm xin trao cho Quốc công.

Trần Quốc Tuấn nghiêm trang đáp lễ:

- Lão thần thề không để nhục mệnh của bệ hạ.

Nhân Tông ban kiếm Thượng Phương, trao quyền chém trước tâu sau cho Trần Quốc Tuấn. Nhà vua chăm chú nhìn vị tướng già và thấy Trần Quốc Tuấn quắc thước lạ lùng.

Từ trên đài cao, Trần Quốc Tuấn lặng nhìn các đội quân hàng ngũ chỉnh tề bên dưới. […] Trần Quốc Tuấn thấy tất cả sức mạnh của dân tộc từ nghìn xưa truyền lại nâng cao tâm hồn ông lên khiến cho hai vai ông dư sức gánh sứ mệnh nặng nề. Ông thét lớn:

- Bớ ba quân!

Tiếng dạ vang dậy kinh thành và sông nước.

Trần Quốc Tuấn lại thét tiếp:

- Quan gia đã hạ chỉ cho ta lĩnh cờ tiết chế cùng các ngươi xuất sư phá giặc. Kiếm Thượng Phương đây! -Trần Quốc Tuấn nâng cao kiếm lên khỏi đầu.

- Ai trái mệnh, phản dân, hại nước, ta sẽ nghiêm trị không tha.

Quân sĩ lại đồng thanh dạ ran. Nhân Tông vẫy Dã Tượng lại gần, cầm lấy cái gậy trúc xương cá của Trần Quốc Tuấn. Nhà vua ân cần trao cây gậy cho vị tướng già và dặn dò: […]

- Trọng phụ tuổi đã cao, xin vì trẫm, vì đất nước và trăm họ mà giữ gìn sức khỏe.

(TríchTrên sông truyền hịch, Hà Ân)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1. Ý nào nói đúng về phương thức biểu đạt của văn bản?**

1. Tự sự, biểu cảm, nghị luận B. Tự sự, nghị luận, miêu tả

C. Tự sự, miêu tả, biểu cảm D. Tự sự, thuyết minh, nghị luận

**Câu 2.** **Vua Trần Nhân Tông gửi gắm với Trần** Quốc Tuấn vấn đề trọng đại gì?

A. Trao kiếm B. Dặn dò nhiều điều

C. Trọng phụ tuổi đã cao, xin vì trẫm, vì đất nước và trăm họ mà giữ gìn sức

khỏe.

D. Từ nay việc an nguy của giang sơn xã tắc trẫm xin trao cho Quốc công.

**Câu 3.** **Vua ban vật quý gì cho Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Tuấn sẽ có quyền gì?**

A. Rượu quý, quyền lãnh đạo ba quân.

B. Ban kiếm Thượng Phương , quyền gặp vua bất cứ lúc nào.

C. Áo choàng, quyền quản lí quân sĩ.

D. Ban kiếm Thượng Phương, quyền chém trước tâu sau.

**Câu 4. Tại sao không khí buổi lễ tế cờ xuất sư được miêu tả trang trọng đến tức thở?**

A. Vì đây là buổi lễ quan trọng chuẩn bị cho cuộc chiến chống lại quân Nguyên - Mông xâm lược.

B. Vì đây là buổi lễ vua lên ngôi.

C. Vì đây là buổi lễ quan trọng của hoàng cung.

D. Vì đây là buổi chia tay sinh tử.

**Câu 5. Sự việc vua trao cho Trần Quốc Tuấn quyền chém trước tâu sau cho ta thấy vua là người như thế nào?**

A. Vua rất anh minh B**.** Vua rất tin tưởng Trần Quốc Tuấn

C**.** Vua rất tin tưởng vào tài năng cầm quân của Trần Quốc Tuấn, chờ đợi

chiến thắng trong cuộc chiến chống giặc Nguyên - Mông. D. là vị vua

**Câu 6 “*Lão thần thề không để nhục mệnh của bệ hạ.”***

**- Câu văn trên thuộc kiểu câu** **nào?**

A. Câu cầu khiến . B. Câu khẳng định. C. Câu phủ định. D. Câu nghi vấn.

**Câu 7.** **“Trần Quốc Tuấn thấy tất cả sức mạnh của dân tộc từ nghìn xưa truyền lại nâng cao tâm hồn ông lên khiến cho hai vai ông dư sức gánh sứ mệnh nặng nề”.** Câu văn này gợi đến tâm trạng, cảm xúc gì của Trần Quốc Tuấn?

A.Trần Quốc Tuấn cảm nhận được sức mạnh của dân tộc và niềm hứng khởi

khi đón nhận sứ mệnh vua ban.

B. Trần Quốc Tuấn thấy vui vẻ.

C. Trần Quốc Tuấn thấy ai cũng đáng tin yêu

D. Trần Quốc Tuấn thấy dân tộc mình thật kiên cường.

**Câu 8.** **Có thể hiểu câu dặn dò của vua với Trần Quốc Tuấn "Trọng phụ tuổi đã cao, xin vì trẫm, vì đất nước và trăm họ mà giữ gìn sức khỏe” như thế nào?**

A. Vua mong Trần Quốc Tuấn bình an trở về.

B. Vua mong Trần Quốc Tuấn biết bảo trọng thân thể vì vua, vì đất nước.

C. Vua lo lắng, yêu mến, kính trọng Trần Quốc Tuấn.

D. Vua ngưỡng mộ Trần Quốc Tuấn.

**Câu 9. Em hãy nêu nhận xét của mình về vị tướng già Trần Quốc Tuấn?**

**Câu 10. Qua văn bản và cách biểu hiện của các nhân vật, em rút ra được bài học gì cho bản thân?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | A. Tự sự, biểu cảm, nghị luận | 0,5 |
| 2 | D. Từ nay việc an nguy của giang sơn xã tắc trẫm xin trao cho Quốc công. | 0,5 |
| 3 | D.Ban kiếm Thượng Phương, quyền chém trước tâu sau. | 0,5 |
| 4 | A.Vì đây là buổi lễ quan trọng chuẩn bị cho cuộc chiến chống lại quân Nguyên - Mông xâm lược | 0,5 |
| 5 | C**.** Vua rất tin tưởng vào tài năng cầm quân của Trần Quốc Tuấn, chờ đợi chiến thắng trong cuộc chiến chống giặc Nguyên - Mông. | 0,5 |
| 6 | C. Câu phủ định. | 0,5 |
| 7 | A.Trần Quốc Tuấn cảm nhận được sức mạnh của dân tộc và niềm hứng khởi khi đón nhận sứ mệnh vua | 0,5 |
| 8 | B. Vua mong Trần Quốc Tuấn biết bảo trọng thân thể vì vua, vì đất nước | 0,5 |
| 9 | Học sinh có thể trả lời theo ý hiểu của bản thân  Ví dụ: Trần Quốc Tuấn là một vị tướng giỏi, uy nghi, dũng mãnh. Ông được các vua thời Trần tín nhiệm, nhân dân yêu mến, là con người suốt cả đời theo nghiệp nhà binh, bảo vệ đất nước bao phen khỏi kẻ thù xâm lược, đã từng đánh thắng giặc Nguyên Mông lần thứ nhất vào năm 1257, lần thứ hai vào năm 1285, lần thứ ba vào năm 1288. | 1,0 |
| 10 | Qua văn bản và cách biểu hiện của các nhân vật, em rút ra được bài học gì cho bản thân?  Rút ra 2 đến 3 bài học có ý nghĩa cho bản thân, phù hợp chuẩn mực đạo đức  - Chúng ta cần phải sống và làm việc hết mình vì đất nước  - Phải đặt lợi ích, vận mệnh dân tộc lên mọi lợi ích khác  - Dù là ở cương vị cao hơn cũng luôn phải tôn trọng người lớn tuổi, người có tài  - Khi làm việc gì cũng luôn cần sự tự tin và quyết tâm | 1,0 |

1. **Bài tập phần làm văn**

**Đề 1 Suy nghĩ của em về câu tục ngữ *:” Chết trong còn hơn sống đục”***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
|  |  | Suy nghĩ của em về câu tục ngữ *:” Chết trong còn hơn sống đục”* |  |
| a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: *Nghị luận về một tư tưởng đạo lí.* | 0,25 |
| *c. Nghị luận câu tục ngữ :” Chết trong còn hơn sống đục”*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng nắm chắc các yêu cầu của một bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí.  **1. MỞ BÀI**  - Giới thiệu câu tục ngữ "*Chết trong còn hơn sống đục*"  - Khái quát cảm nhận của em về ý nghĩa của câu tục ngữ.  **2. THÂN BÀI**  **a) Giải thích câu tục ngữ**  - Nghĩa đen:  + "Chết trong" là chết một cách ngay thẳng, trong sạch, không chịu khuất phục trước cái xấu, cái ác.  + "Sống đục" là sống một cách hèn nhát, gian dối, chấp nhận cái xấu, cái ác để được sống.  - Nghĩa bóng:  + Câu tục ngữ khuyên răn con người nên sống ngay thẳng, trong sạch, không chịu khuất phục trước cái xấu, cái ác.  + Câu tục ngữ cũng khẳng định giá trị của một con người không nằm ở sự sống hay cái chết, mà nằm ở nhân cách, phẩm chất của con người đó.  => Câu tục ngữ đề cao lối sống cao đẹp, vĩ đại của con người  **b) Bàn luận về câu tục ngữ**  **\* Biểu hiện của việc sống trong sạch, ngay thẳng**  - Sống trung thực, ngay thẳng, không gian dối, lừa lọc  - Sống có đạo đức, có nhân cách, biết tôn trọng lẽ phải  - Sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội  **\* Biểu hiện của việc sống hèn nhát, gian dối**  - Sống không có lập trường, dễ bị lung lay trước cám dỗ  - Sẵn sàng làm những việc trái lương tâm, đạo đức để đạt được mục đích  - Sống ích kỷ, chỉ biết lo cho bản thân, không quan tâm đến người khác  **\* Chứng minh**  - Lối sống cao đẹp này trong quá khứ và hiện tại.  - Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc giáo dục nhân cách tốt đẹp.  **\* Bài học nhận thức và hành động**  - Cá nhân:  + Hiểu và tiếp thu giá trị cao đẹp của lối sống này.  + Giữ vững quan điểm lập trường đúng đắn nhưng không bảo thủ, chịu khó lắng nghe.  - Gia đình:  + Tích cực hơn trong việc phối hợp với nhà trường để giáo dục con cái.  + Sống tích cực để làm gương cho con cái noi theo.  **3. KẾT BÀI**  - Khẳng định giá trị của câu tục ngữ.  - Liên hệ bản thân | 3,0 |
| d. Chính tả, ngữ pháp  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
| e. Sáng tạo  Bố cục mạch lạc, lí lẽ đẫn chứng logic thuyết phục. | 0,25 |

**Đề 2 Suy nghĩ của em về câu tục ngữ *:” Chết vinh còn hơn sống nhục”***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
|  |  | Suy nghĩ của em về câu tục ngữ *:” Chết vinh còn hơn sống nhục”* |  |
| a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: *Nghị luận về một tư tưởng đạo lí.* | 0,25 |
| *c. Nghị luận câu tục ngữ :” Chết vinh còn hơn sống nhục”*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng nắm chắc các yêu cầu của một bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí.  **1. MỞ BÀI**  - Giới thiệu câu tục ngữ "*Chết vinh còn hơn sống nhục*"  - Khái quát cảm nhận của em về ý nghĩa của câu tục ngữ.  **2. THÂN BÀI**  **a) Giải thích câu tục ngữ**  - Nghĩa đen:  + "Chết vinh" là chết một cách ngay thẳng, trong sạch, không chịu khuất phục trước cái xấu, cái ác.  + "Sống nhục" là sống một cách hèn nhát, gian dối, chấp nhận cái xấu, cái ác để được sống.  - Nghĩa bóng:  + Câu tục ngữ khuyên răn con người nên sống ngay thẳng, trong sạch, không chịu khuất phục trước cái xấu, cái ác.  + Câu tục ngữ cũng khẳng định giá trị của một con người không nằm ở sự sống hay cái chết, mà nằm ở nhân cách, phẩm chất của con người đó.  => Câu tục ngữ đề cao lối sống cao đẹp, vĩ đại của con người  **b) Bàn luận về câu tục ngữ**  **\* Biểu hiện của việc sống trong sạch, ngay thẳng**  - Sống trung thực, ngay thẳng, không gian dối, lừa lọc  - Sống có đạo đức, có nhân cách, biết tôn trọng lẽ phải  - Sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội  **\* Biểu hiện của việc sống hèn nhát, gian dối**  - Sống không có lập trường, dễ bị lung lay trước cám dỗ  - Sẵn sàng làm những việc trái lương tâm, đạo đức để đạt được mục đích  - Sống ích kỷ, chỉ biết lo cho bản thân, không quan tâm đến người khác  **\* Chứng minh**  - Lối sống cao đẹp này trong quá khứ và hiện tại.  - Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc giáo dục nhân cách tốt đẹp.  **\* Bài học nhận thức và hành động**  - Cá nhân:  + Hiểu và tiếp thu giá trị cao đẹp của lối sống này.  + Giữ vững quan điểm lập trường đúng đắn nhưng không bảo thủ, chịu khó lắng nghe.  - Gia đình:  + Tích cực hơn trong việc phối hợp với nhà trường để giáo dục con cái.  + Sống tích cực để làm gương cho con cái noi theo.  **3. KẾT BÀI**  - Khẳng định giá trị của câu tục ngữ.  - Liên hệ bản thân | 3,0 |
| d. Chính tả, ngữ pháp  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
| e. Sáng tạo  Bố cục mạch lạc, lí lẽ đẫn chứng logic thuyết phục. | 0,25 |
| d. Chính tả, ngữ pháp  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
| e. Sáng tạo  Bố cục mạch lạc, lí lẽ đẫn chứng logic thuyết phục. | 0,25 |

**Đề 3 : Viết một bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí mà em tâm đắc nhất.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
|  |  | **Viết một bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí mà em yêu thích** |  |
| a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,5 |
| b. Xác định đúng  Nghị luận về một tư tưởng đạo lí. | 0,25 |
| c. Triển khai nội dung bài viết thành các đoạn văn  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:  *- Mở bài*  Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề cần nghị luận (thể hiện qua câu tục ngữ/danh ngôn/nhận định…)  *- Thân bài*  Triển khai từng luận điểm:  (1) Giải thích vấn đề (giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng, khái niệm…)  (2) Thể hiện quan điểm đồng tình/không đồng tình/khẳng định ý nghĩa, giá trị của vấn đề nghị luận.  (3) Chứng minh bằng hệ thống lí lẽ, bằng chứng sát thực.  (4) Đưa ra suy nghĩ, quan điểm/ý kiến bình luận, mở rộng vấn đề.  *- Kết bài*  - Đưa ra bài học nhận thức và hành động  - Khẳng định/mở rộng vấn đề nghị luận | 2,5  0,5  0,25  0,25  0,5  0,5  0,5 |
| d. Chính tả, ngữ pháp  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
| e. Sáng tạo  Thể hiện nhìn nhận, cảm xúc tích cực về chuyến đi được kể, có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |

**Đề 4 : Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học mà em ấn tượng nhất ( Thơ, truyện, kịch)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **II. Viết**  **( 4 điểm)** |  | a. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | - Từ 3,5 - 4,0 điểm: bài làm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của đáp án; biết cách phân tích tác dụng của các yếu tố hình thức, nội dung để thuyết phục, làm sáng tỏ ý kiến.  - Từ 2,5- 3,25 điểm: bài làm đáp ứng đa số các yêu cầu của đáp án; bước đầu biết cách phân tích tác dụng của các yếu tố hình thức, nội dung.  - Từ 1,0 - 2,25 điểm: bài làm đáp ứng 1/2 các yêu cầu của đáp án; bước đầu biết cách phân tích tác dụng của các yếu tố hình thức, nội dung.  - Dưới 1,0 điểm: bài làm đáp ứng được một phần nhỏ của so với nội dung yêu cầu.  - 0 điểm: không làm bài hoặc làm sai hoàn toàn. |
| a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một tác phẩm truyện hoặc một tác phẩm thơ hoặc một tác phẩm kịch 0,25 điểm  b. Xác định đúng yêu cầu của đề: phân tích một tác phẩm truyện hoặc một tác phẩm thơhoặc một tác phẩm kịch 0,25 điểm  c. Yêu cầu nội dung  \* Đối với phân tích một tác phẩm truyện hoặc kịch  HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Dẫn dắt và giới thiệu nhan đề, tác giả, thể loại và nhận xét chung về tác phẩm.  - Nêu được chủ đề và phân tích các biểu hiện để làm rõ chủ đề của tác phẩm:  + Phân tích đề tài và đặc sắc của cốt truyện trong việc làm sáng tỏ chủ đề,  + Phân tích nghệ thuật xây dựng nhân vật nhằm làm rõ chủ đề của truyện,  + Phân tích tác dụng của các nét đặc sắc nghệ thuật trong truyện như bút pháp miêu tả (ngoại hình và nội tâm); xây dựng tình huống truyện; lựa chọn chi tiết ý nghĩa; ngôn ngữ kể chuyện…  - Khái quát được giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện; nêu được tác động của truyện đối với bản thân.  \* Đối với phân tích một tác phẩm thơ  HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Dẫn dắt và giới thiệu nhan đề, tác giả, thể loại và nhận xét chung về tác phẩm.  - Nêu được chủ đề và phân tích các biểu hiện để làm rõ chủ đề của tác phẩm:  + Phân tích đặc sắc nội dung bài thơ  + Phân tích đặc sắc nghệ thuật trong bài thơ  - Khái quát được giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ; nêu được tác động của bài thơ đối với bản thân.  d. Chính tả, ngữ pháp: đảm bảo đúng chính tả, dùng từ, đặt câu. 0,25 điểm  e. Sáng tạo: có sự tinh tế, sắc sảo trong lựa chọn chi tiết thơ và kĩ năng lập luận, phân tích dẫn chứng.0,25 điểm |